TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/DS-ST
Ngày: 04-6-2024
"Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam

2. Ông Nguyễn Thành Dững

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Phước Long - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đỗ Phúc Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2024/TLST-DS ngày 03/5/2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay, hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hồ Phương Y, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Bà Lê Ngọc Trà M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện B, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện B, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Tuấn K, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà Y, bà M có mặt; ông T, ông K có yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-3-2024, lời khai tại các Biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà nguyên đơn bà Huỳnh Hồ Phương Y trình bày:

Bà M làm kế toán trường THCS xã B, huyện B, tỉnh Long An. Do nhà bà Y gần nhà bà M nên quen biết và tin tưởng nên khoảng thời gian 2021-2022 bà Y cho bà M vay nhiều lần tiền, đến ngày 13/02/2022 bà M viết giấy xác nhận nợ số tiền 180.000.000 đồng và bỏ hết tất cả các giấy nợ cũ. Giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên thoả thuận lãi suất là 5%/tháng, thời hạn trả là 2 tháng kể từ ngày chốt nợ. Tuy nhiên, từ sau ngày 13/02/2022 đến nay bà M không trả được số tiền nào. Đối với khoản tiền vay, bà Y yêu cầu bà M trả 180.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 13/02/2022 cho đến khi trả xong số tiền nợ.

Ngoài ra bà M có tham gia các dây hụi do bà Y làm chủ thảo như sau:

Hụi 1.000.000 đồng, 17 phần, khui ngày 12/12/2020, mãn ngày 12/4/2022, bà M tham gia 1 phần và đã hốt hụi, đóng hụi chết đến ngày 12/01/2022 thì ngưng không đóng, bà M còn nợ trong dây hụi này là 3.000.000 đồng.

Hụi 2.000.000 đồng, 12 phần, khui ngày 05/4/2021, mãn ngày 05/3/2022, bà M tham gia 1 phần và đã hốt hụi, đóng hụi chết đến ngày 05/01/2022 thì ngưng không đóng. Bà M còn nợ 2 kỳ nợ hụi với số tiền 4.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà M nợ bà Y là 7.000.000 đồng. Bà Y yêu cầu bà M trả số tiền 7.000.000 đồng.

Về trách nhiệm trả nợ: Việc vay tiền do bà M thực hiện, quá trình vay ông T không biết nhưng ông T là chồng bà M, khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông T phải có trách nhiệm trả nợ chung với bà M.

Bị đơn bà Lê Ngọc Trà M trình bày:

Trong năm 2021-2022 bà M vay của bà Y nhiều lần tiền, lãi suất 5%/tháng và có trả lãi được một thời gian. Đến ngày 13/02/2022 làm ăn thất bại nên không có khả năng trả lãi nên đã viết giấy xác nhận có mượn bà Y số tiền 180.000.000 đồng (trong đó bao gồm 170.000.000 đồng tiền nợ trước đó và 10.000.000 đồng tiền lãi chưa đóng). Từ đó đến nay chưa trả được khoản tiền nào cho bà Y. Ngoài ra bà M còn nợ 7.000.000 đồng tiền hụi của bà Y như bà Y trình bày.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y thì bà M đồng ý trả số tiền gốc vay 180.000.000 đồng và hụi là 7.000.000 đồng, tổng cộng là 187.000.000 đồng. Đề nghị không tính lãi. Thời hạn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bà và ông T là vợ chồng nhưng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Khoản nợ này là do một mình bà đứng ra vay để làm ăn chứ không liên quan gì đến ông T nên ông T không có trách nhiệm gì đối với bà Y.

Bị đơn ông Nguyễn Thế T trình bày:

Ông và bà M kết hôn năm 2016, nhưng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Việc bà M vay tiền của bà Y ông không biết, bà Y hay bà M cũng không nói gì với ông. Việc bà M vay tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân chứ không phải chi tiêu trong gia đình vì vợ chồng đã ly thân trước khi bà M vay tiền. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu của bà Y về việc buộc ông có trách nhiệm liên đới với bà M để trả tiền cho bà Y.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Tuấn K thống nhất với lời trình bày của vợ là Huỳnh Hồ Phương Y, không yêu cầu giải quyết gì và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Lê Ngọc Trà M vẫn giữ nguyên lời trình bày và xác định việc vay tiền diễn ra từ khoảng năm 2020, trong thời gian vay với lãi suất 5%/tháng bà vẫn thanh toán đầy đủ tiền lãi, đến năm 2022 kinh doanh bị lừa nên không có khả năng trả nợ. Bà yêu cầu bà Y không tính lãi.

Các đương sự thống nhất cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử ở các cấp. Đồng thời, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của bị đơn về việc bà Lê Ngọc Trà M có nợ tiền vay của bà Y là 180.000.000 đồng và nợ hụi là 7.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nay. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tiền lãi: Các đương sự xác định hợp đồng vay thoả thuận lãi suất 5%/tháng nên là hợp đồng vay không thời hạn, có lãi suất. Tuy nhiên, thoả thuận lãi suất 5%/tháng là vượt quá quy định pháp luật nên vô hiệu về lãi suất vượt quá. Bà Y khởi kiện yêu cầu bà M trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm kể từ ngày 13/02/2022 cho đến khi trả xong số tiền nợ là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Bà Y khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thế T có nghĩa vụ liên đới cùng bà Lê Ngọc Trà M trả số tiền nợ cho bà Y. Mặc dù giấy mượn tiền không thể hiện mục đích vay, không có chữ ký của ông T nhưng việc vay tiền giữa bà M với bà Y diễn ra trong thời gian dài, đến năm 2022 mới xác nhận số nợ còn lại. Tại phiên toà, bà M cũng xác định vay tiền để kinh doanh, lợi nhuận thu

được sử dụng chi tiêu cho cuộc sống gia đình. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Y về việc yêu cầu ông T liên đới cùng bà M trả nợ cho bà Y.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Huỳnh Hồ Phương Y khởi kiện yêu cầu bà Lê Ngọc Trà M, ông Nguyễn Thế T trả tiền phát sinh từ hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*", thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Thế T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tuấn K có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt; Căn cứ Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt những người này.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[3] Theo giấy xác nhận ngày 13/02/2022 có nội dung "Tôi tên Lê Ngọc Trà M, ấp D, xã B, huyện B, tỉnh Long An. Tôi có mượn chị Y số tiền 180.000.000 đồng". Ngoài ra, bà M còn thừa nhận việc vay tiền và bà M còn nợ số tiền 180.000.000 đồng và nợ hụi 7.000.000 đồng chưa thanh toán. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Y đã yêu cầu bà M thanh toán và được hoà giải tại Ủy ban nhân dân xã B nhưng kết quả không thành do không thống nhất phương án trả nợ. Do bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của bà Y về việc yêu cầu bà M trả số tiền 187.000.000 đồng là có sơ sở chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Các đương sự xác định hợp đồng vay thoả thuận lãi suất 5%/tháng nên là hợp đồng vay không thời hạn, có lãi suất. Bà M cho rằng bà vay tiền của bà Y trong thời gian dài và trước đó đã trả tiền lãi 5%/tháng đều đặn nên yêu cầu không tiếp tục tính lãi nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, không cung cấp được lịch sử giao dịch vay tiền, trả lãi và thời gian thực hiện cụ thể để chứng minh việc trả tiền có liên quan đến khoản nợ này và không yêu cầu xem xét phần lãi suất trước đó bà đã trả nên không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, bà Y và bà M thoả thuận lãi suất 5%/tháng là vượt quá quy định pháp luật nên, bà Y khởi kiện yêu cầu bà M trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm kể từ ngày 13/02/2022 cho đến khi trả xong số tiền nợ là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận. Bà M phải trả tiền lãi từ 13/02/2022 đến 04/6/2024 là 2 năm 3 tháng 22 ngày là 41.584.932 đồng.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Bà Y khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thế T có nghĩa vụ liên đới cùng bà Lê Ngọc Trà M trả số tiền nợ cho bà Y. Mặc dù giấy

mượn tiền không thể hiện mục đích vay, không có chữ ký của ông T nhưng việc vay tiền giữa bà M với bà Y diễn ra trong thời gian dài, đến năm 2022 mới xác nhận số nợ còn lại. Tại phiên toà, bà M cũng xác định vay tiền để kinh doanh, lợi nhuận thu được sử dụng chi tiêu cho cuộc sống gia đình, khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên có căn cứ để xác định bà M vay tiền của bà Y nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình. Căn cứ các điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Y về việc yêu cầu ông T liên đới cùng bà M trả nợ cho bà Y.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015**,** Điều 26, 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lê Ngọc Trà M và ông Nguyễn Thế T phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí trên nghĩa vụ phải thực hiện.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Hồ Phương Y đối với bị đơn bà Lê Ngọc Trà M, ông Nguyễn Thế T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi.

2. Buộc bà Lê Ngọc Trà M và ông Nguyễn Thế T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Huỳnh Hồ Phương Y số tiền 228.584.932 đồng, trong đó 180.000.000 đồng nợ gốc vay, tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay là 41.584.932 đồng và 7.000.000 đồng nợ hụi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Ngọc Trà M và ông Nguyễn Thế T có nghĩa vụ liên đới chịu 11.429.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Hồ Phương Y không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Y số tiền tạm ứng án phí 5.608.000 đồng (Năm triệu sáu trăm linh tám ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007268 ngày 03/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Bến Lức.
-CCTHADS huyện Bến Lức.
-Các đương sự.
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Hồ Thị Miên

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa**
Nguyễn Hoàng Nam – Nguyễn Thành Dũng	**Hồ Thị Miên**